

Zeffiro
Catalogue Dụng Cụ



Diagnostica

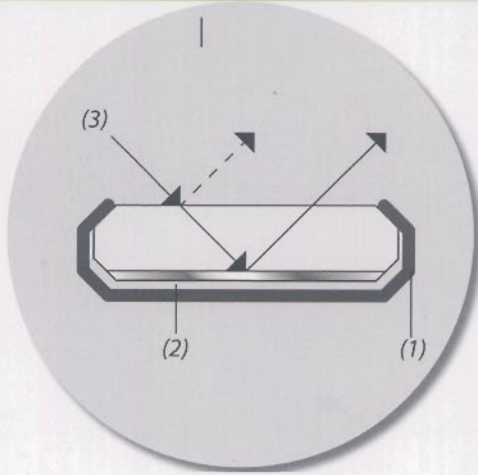
Khám răng chẩn đoán

Khám Răng



ZFB010
4P

Ø mm. 22 - Piano - Plane



Mặt gương _ Ý



ZFB001
1

Cán gương - Tắm cạnh



ZFR002
2 - College

Nhíp nha



ZFA002
23

Khám trâm 1 đầu Ý



ZFA020 - ZFA029
23/17 # 17A/23

Khám trâm 2 đầu Ý



conservativa

Dụng cụ trạm răng

Trám Răng

NẠO NGÀ



ZFE001

#0



ZFE003

#2



ZFE021

#14



ZFG037
11



● / 1.40 2.00
mm.

ZFG050
1PS



ZFG092
6



ZFG094 - ZFG097
F4 - Felt # F1 - Felt



Điều Khắc _ Dao số 3



ZFH014
104 _ Carver



ZFH003
3SHL - Hollenback



ZFJ003
1

Tháo mào



ZFE100
CR
Bộ 3 cây



ZFE101
1



ZFE102
2

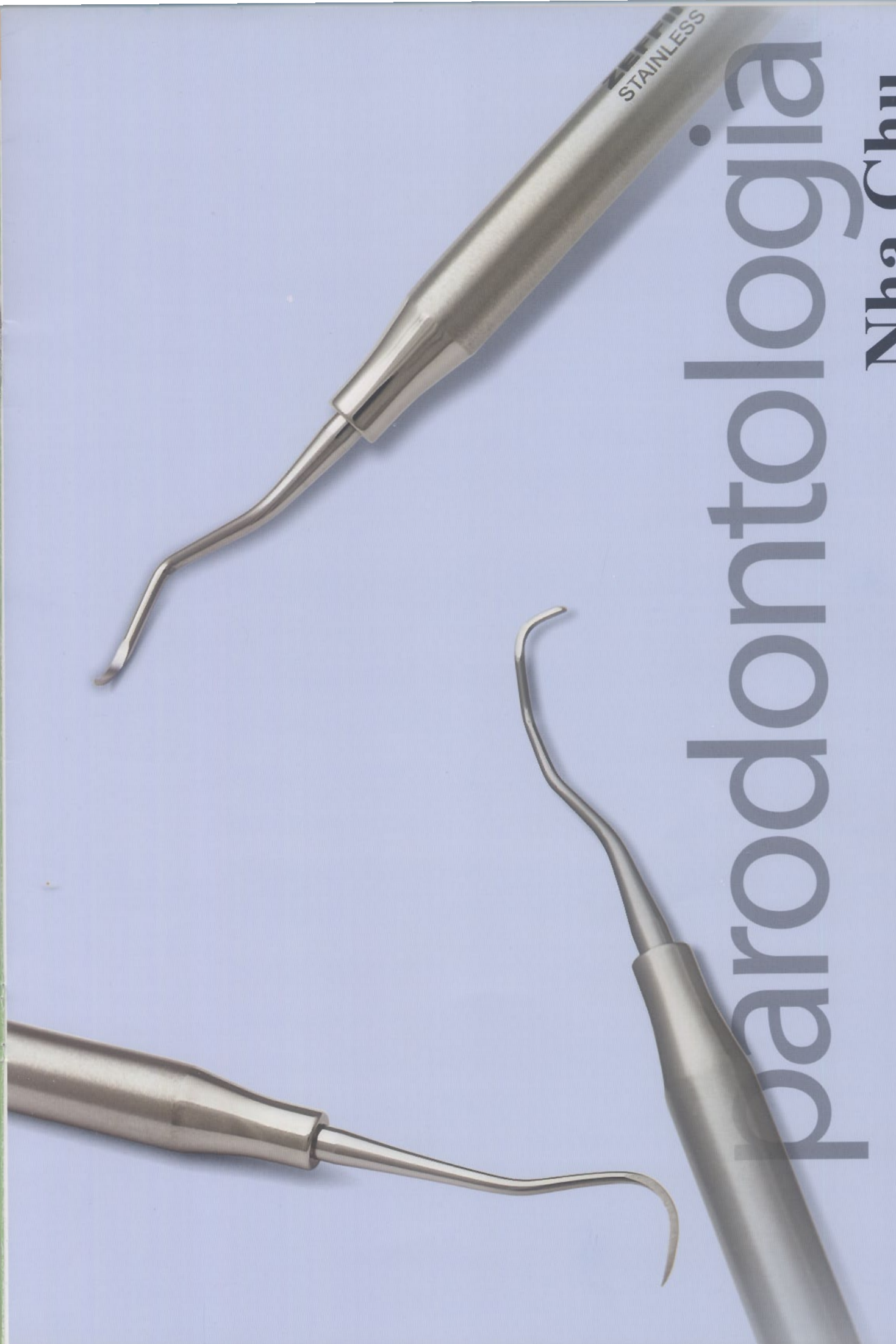
Retro
Back

Fronte
Front



ZFE103
3





STAINLESS

Parodontologia

Nha Chu

Nạo Túi



8...4	4...8
8...4	4...8

ZFM206
13/14 GR - Gracey
Distale - Distal



8...4	4...8
8...4	4...8

ZFM803
7/8 GR - Gracey

Cạo Vôi

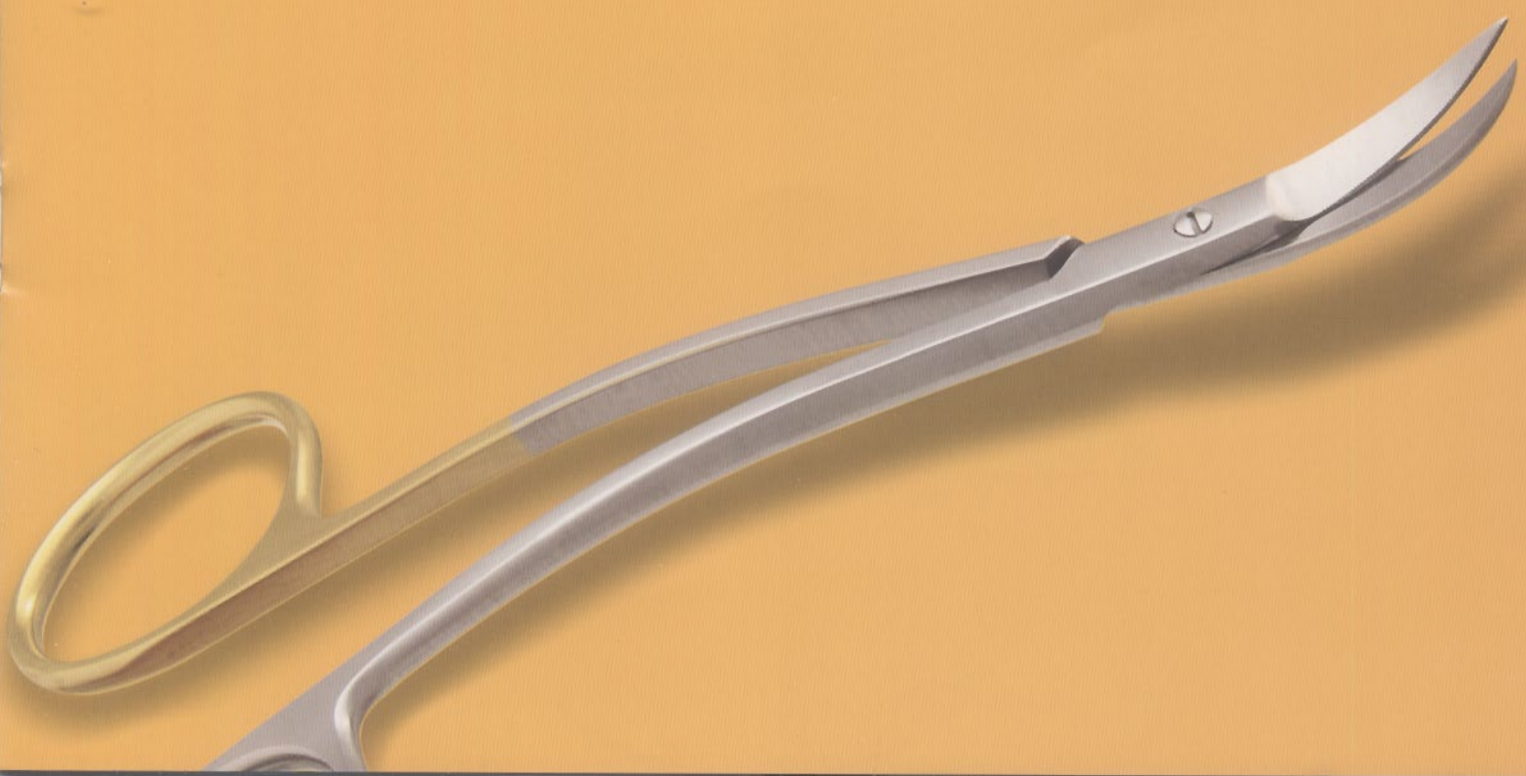


5...1	1...5
5...1	1...5

ZFM817
H 5/33



ZFH015
8



chirurgia

Phẫu Thuật



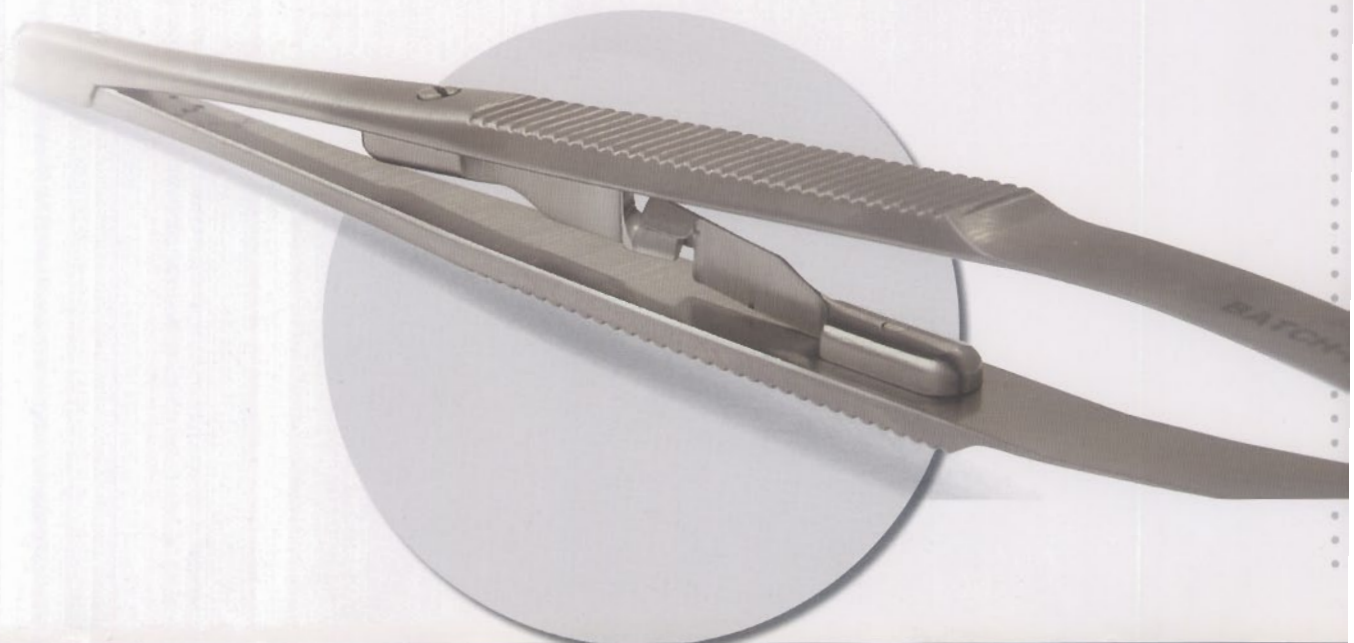
ZFV012
31 - Noyes
cm. 11



ZFW004
CV14R - Castroviejo
Retto - Straight
cm. 14



ZFW005
CV14C - Castroviejo
Curvo - Curved
cm. 14



Kẹp Giữ



ZFW003
M14 - Mathieu
cm. 14



ZFW006
MD14
Stile Mathieu - Mathieu style
cm. 14



ZFW016
M14T - Mathieu
cm. 14



Phẫu Thuật

Kềm nhổ răng thông dụng _ Chỉ cần 3 cây



ZFS300
Chân Răng



Nhổ chân răng + trẻ em



ZFS301
Thông dụng
Cỡ trung bình

5...1	1...5
5...1	1...5

Nhổ từ răng 1 ... 5



ZFS302
Thông dụng
Cỡ Lớn

8...6	6...8
8...6	6...8

Nhổ từ răng 6 ... 8

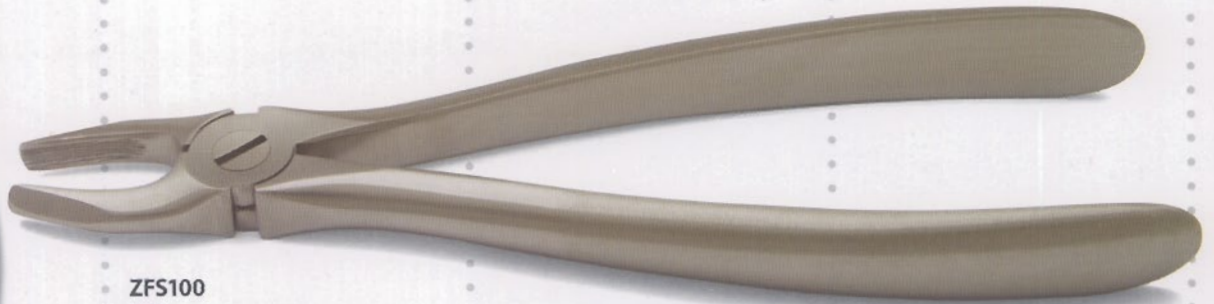


Kềm nhổ răng

Incisivi e canini superiori.

Upper incisors and canines.

3...1	1...3
-	-



ZFS100
2

Kềm nhổ răng cửa , răng nanh 1 ... 3 hàm trên

Incisivi e canini inferiori.

Lower incisors and canines.

-	-
3...1	1...3



ZFS110
36

Kềm nhổ răng cửa , răng nanh 1 ... 3 hàm dưới

Premolari superiori.

Upper premolars.

5...4	4...5
-	-



ZFS120
7

Kềm nhổ răng cối nhỏ 4 ...5 hàm trên

Kềm nhổ răng



ZFS130
13

Kềm nhổ răng cối nhỏ 4 ... 5 hàm dưới

Premolari inferiori.
Lower premolars.

-	-
5...4	4...5

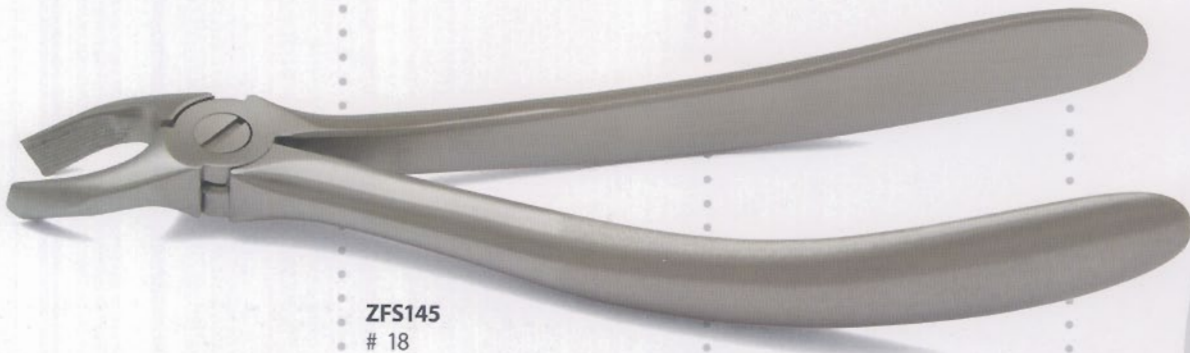


ZFS140
17

Kềm nhổ răng cối 6 ... 7 hàm trên bên phải

Molari superiori destri.
Upper molars, right.

-	6...7
-	-



ZFS145
18

Kềm nhổ răng cối 6 ... 7 hàm trên bên trái

Molari superiori sinistri.
Upper molars, left.

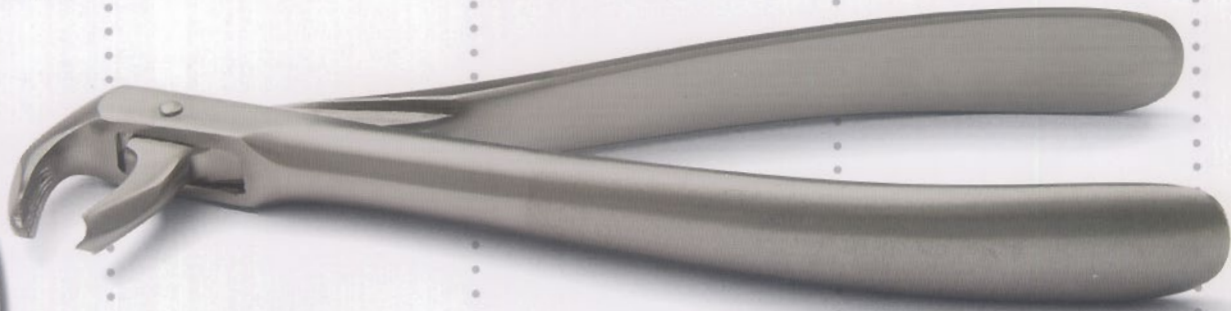
7...6	-
-	-

Kềm nhổ răng

Molari
inferiori.

Lower
molars.

-	-
7...6	6...7



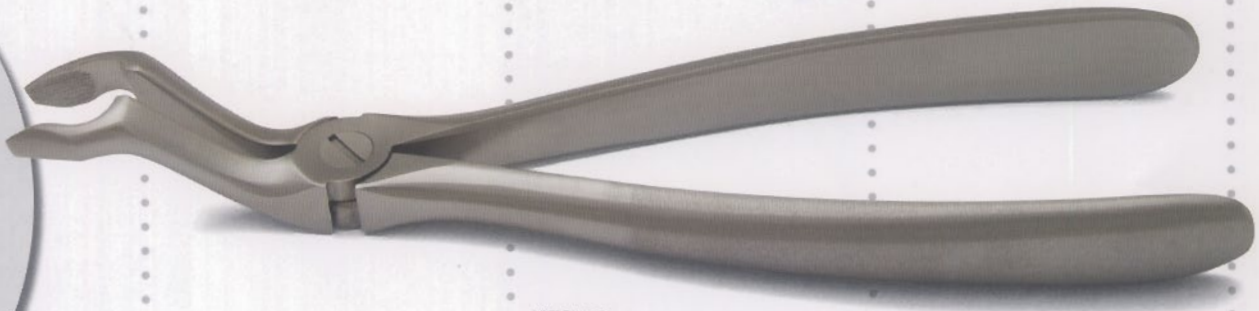
ZFS151
22

Kềm nhổ răng cối 6 ... 7 hàm dưới

Ottavi
superiori.

Upper third
molars.

8	8
-	-



ZFS170
67A

Kềm nhổ răng khôn ..8 hàm trên

Ottavi
inferiori.

Lower third
molars.

-	-
8	8



ZFS175
79A

Kềm nhổ răng khôn ..8 hàm dưới

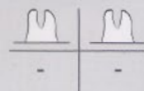
Kềm nhổ răng



ZFS160
51ZS

Kềm nhổ chân răng hàm trên

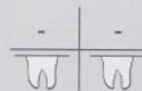
Radici
superiori.
Upper
roots.



ZFS166
59

Kềm nhổ chân răng hàm dưới

Radici
inferiori.
Lower
roots.



Nạy



ZFT001
2B - Bein
mm. 2



ZFT002
3B - Bein
mm. 3



ZFT003
4B - Bein
mm. 4



ZFT081
2BFT - Bein
Punta piatta -Flat tip
mm. 2



ZFT082
3BFT - Bein
Punta piatta -Flat tip
mm. 3



ZFT083
4BFT - Bein
Punta piatta -Flat tip
mm. 4



ZFT004
F1 - Flohr



ZFT005
F2 - Flohr



ZFT006
F3 - Flohr



ZFT008
12A - Apical



ZFT009
13A - Apical



ZFT011
1C - Coupland
mm. 2



ZFT012
2C - Coupland
mm. 3



ZFT013
3C - Coupland
mm. 4





ZFT049

20

Punta curva -Curved tip
mm. 2



ZFT051

30

Punta curva -Curved tip
mm. 3



ZFT053

40

Punta curva -Curved tip
mm. 4



ZFT018

- Root Elevator



ZFT014

27CR - Cryer



ZFT015

28CR - Cryer



ZFT040

71MA - Miller-Apexo



ZFT041

72MA - Miller-Apexo



ZFT057

11B - Bernard



ZFT058

6B - Bernard



ZFT059

7B - Bernard

ortodonzia

Chỉnh nha





ZLH545

Hard wire cutter TC, straight.

Hard wire, max 0,022" x 0,028" (0,56mm x 0,71mm)

Kềm cắt dây cứng



ZLH530

Steel and ceramic D.B. bracket removing plier

Kềm tháo mắc cài



ZLH524

Utility plier Weingart TC

Kềm luôn dây Weingart



ZLH541

Mini distal and cutter TC with safety hold.

Max 0,022" x 0,028" (0,56 mm x 0,71 mm).

Kềm cắt giữ xa



ZLH540

Distal and cutter TC with safety hold.

Max 0,022" x 0,028" (0,56 mm x 0,71 mm).

Kềm cắt giữ xa



ZLH533

Posterior band removing short plier Plastic pad

Kềm tháo khâu



Mini distal and cutter TC with safety hold, long handle.

Max 0,022" x 0,028" (0,56 mm x 0,71 mm).

Kềm cắt giữ xa



ZLH121
DC
Ligature instrument, curved.

Cây dụng cụ nhét dây Ligature, chỉ



ZLH122
DR
Ligature instrument, straight.

Cây dụng cụ nhét dây Ligature, chỉ



ZLH123
AL
Elastic setting instrument

Cây dụng cụ nhét thun

laboratorio

laboratory



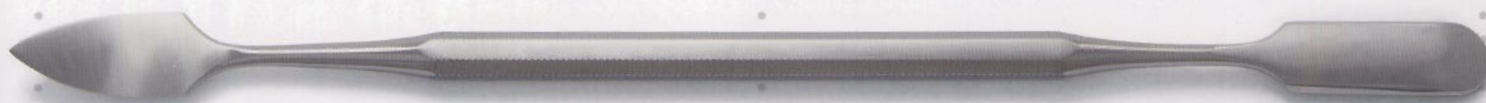
Dao sáp



ZFL006
LC 1 - Lecron



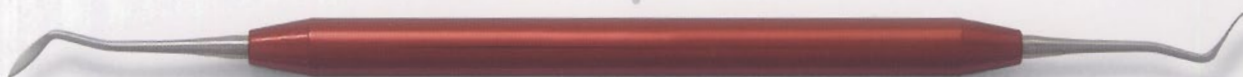
ZFL010
ZH 3 - Zahle



ZFL011
GR - Gritman



ZFL012
BA - Beale



ZFL033
PKT4 - P.K Thomas Waxing Instruments



ZLA006
2 SP - Lessman
cm. 17

LASCOD



CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUYẾT HẢI

ĐC: 195C Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5

ĐT: 84 8 38350073 - 38306479 - 38557223 - 39570425 - Fax: 84 8 38355917 - 39570426

Email: buithithuha@hotmail.com - septotuan@hotmail.com - buithianhtuyet@hotmail.com